

Số: 473 /TCT-HTQT
V/v thực hiện thủ tục hồ sơ
Thông báo miễn, giảm thuế
theo Hiệp định.

Hà Nội, ngày 9 tháng 02 năm 2011

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tổng cục Thuế nhận được phản ánh của một số Cục Thuế địa phương về việc xử lý áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (Hiệp định) đối với trường hợp nhà thầu nước ngoài (là cá nhân hoặc tổ chức) không thực hiện các thủ tục kê khai thuế và không nộp hồ sơ thông báo áp dụng Hiệp định theo quy định mà chỉ nộp hồ sơ thông báo áp dụng Hiệp định sau khi kết thúc hợp đồng tại Việt Nam hoặc bị Cơ quan thuế phát hiện qua kiểm tra, thanh tra. Đối với vấn đề này, Tổng cục Thuế hướng dẫn như sau:

1. Về đối tượng đăng ký thuế:

Điểm 2, phần I, Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế về việc đăng ký thuế hướng dẫn:

“2. Đối tượng đăng ký thuế

2.1. Người nộp thuế phải đăng ký thuế, cụ thể gồm:

a/ Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ, hàng hoá;

b/ Cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân;

c/ Tổ chức có trách nhiệm khấu trừ và nộp thay thuế gồm:

...
- Bên Việt Nam có trách nhiệm đăng ký, kê khai nộp thuế hộ Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài.

...
d/ Tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài hành nghề độc lập kinh doanh tại Việt Nam phù hợp với luật pháp Việt Nam. Tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài kinh doanh nhưng không hiện diện tại Việt Nam và có thu nhập phát sinh tại Việt Nam;

...”

Theo hướng dẫn nêu trên, đối tượng có nghĩa vụ phải đăng ký thuế tại Việt Nam bao gồm: bên Việt Nam ký kết hợp đồng với nhà thầu nước ngoài có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay nhà thầu nước ngoài, nhà thầu nước ngoài có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

2. Về nghĩa vụ khai thuế và nộp thuế của nhà thầu nước ngoài:

2.1. Trường hợp nhà thầu nước ngoài là cá nhân:

- Mục I, phần A, Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân (Thông tư số 84/2008/TT-BTC) hướng dẫn về đối tượng nộp thuế như sau:

“Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.”

- Mục II, phần D, Thông tư số 84/2008/TT-BTC hướng dẫn về việc khấu trừ, khai thuế thu nhập cá nhân (TNCN) như sau:

“1. Khấu trừ thuế là việc tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện tính trừ số thuế phải nộp vào thu nhập của đối tượng nộp thuế trước khi trả thu nhập.

1.1. Các loại thu nhập phải khấu trừ:

1.1.1. Thu nhập của cá nhân không cư trú, bao gồm cả trường hợp không hiện diện tại Việt Nam.

1.1.2. Thu nhập của cá nhân cư trú:

a) Thu nhập từ tiền lương, tiền công;

b) Thu nhập từ đầu tư vốn;

...

2. Khai thuế

Các tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân và cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân thực hiện khai thuế như sau: ...”

Theo hướng dẫn nêu trên, tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập có trách nhiệm khai thuế, khấu trừ thuế TNCN trước khi chi trả cho cá nhân nước ngoài hoặc cá nhân nước ngoài có trách nhiệm khai thuế và nộp thuế TNCN tại Việt Nam.

2.2. Trường hợp nhà thầu nước ngoài là tổ chức:

Điểm 2, mục I, phần A, Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam như sau:

“2. Người nộp thuế

Người nộp thuế hướng dẫn tại Thông tư này bao gồm:

...

2.2. Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức khác và cá nhân sản xuất kinh doanh mua dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hoá, hoặc trả thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu phụ (sau đây gọi chung là Bên Việt Nam) bao gồm:

- Các tổ chức kinh doanh được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Luật Doanh nghiệp), Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (nay là Luật Đầu tư) và Luật Hợp tác xã;

...
Người nộp thuế theo hướng dẫn tại Điểm 2.2 Mục I Phần A Thông tư này có trách nhiệm khấu trừ số thuế GTGT, thuế TNDN hướng dẫn tại Mục III Phần B Thông tư này trước khi thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài.”

Theo hướng dẫn nêu trên, bên Việt Nam ký kết hợp đồng với tổ chức nước ngoài có trách nhiệm kê khai thuế, khấu trừ thuế và nộp thuế thay tổ chức nước ngoài.

Như vậy, theo các hướng dẫn về nghĩa vụ khai thuế và nộp thuế nêu trên, bên Việt Nam ký kết hợp đồng với nhà thầu nước ngoài có trách nhiệm kê khai thuế, khấu trừ thuế và nộp thuế thay nhà thầu nước ngoài, hoặc bản thân nhà thầu nước ngoài là cá nhân có trách nhiệm khai thuế và nộp thuế TNCN tại Việt Nam.

Trường hợp bên Việt Nam ký kết hợp đồng với nhà thầu nước ngoài hoặc nhà thầu nước ngoài là cá nhân không khai thuế hoặc chậm nộp hồ sơ khai thuế sẽ bị xử lý theo quy định tại Thông tư số 61/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử lý vi phạm pháp luật về thuế. Việc các nhà thầu nước ngoài thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định không làm giảm nhẹ nghĩa vụ đăng ký, kê khai và khấu trừ thuế của bên Việt Nam ký kết hợp đồng (trừ nghĩa vụ khấu trừ khi đó sẽ được thực hiện theo quy định của Hiệp định nếu đã nộp đủ hồ sơ) hoặc nhà thầu nước ngoài là cá nhân (trừ nghĩa vụ thuế khi đó được xác định theo Hiệp định nếu đã nộp đủ hồ sơ).

3. Về thủ tục thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định:

Thủ tục thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định đối với nhà thầu nước ngoài được hướng dẫn tại Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế (Thông tư số 60/2007/TT-BTC). Theo đó, về nguyên tắc, việc áp dụng Hiệp định được thực hiện trên cơ sở nhà thầu nước ngoài tự kê khai (và tự chịu trách nhiệm đối với việc kê khai này) về quyền được áp dụng Hiệp định. Các quy định thời hạn nộp hồ sơ đề nghị áp dụng Hiệp định tại Thông tư số 60/2007/TT-BTC là để đảm bảo cho các nhà thầu nước ngoài mà đủ điều kiện miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế được khấu trừ thuế theo quy định tại Hiệp định. Quá thời hạn quy định, nhà thầu nước ngoài không nộp hồ sơ chỉ mất quyền được khấu trừ thuế theo quy định tại Hiệp định nhưng vẫn được

quyền nộp hồ sơ đề nghị áp dụng Hiệp định. Tuy nhiên, đề nghị áp dụng Hiệp định của nhà thầu nước ngoài sẽ không được xem xét nếu thời điểm đề nghị vượt quá thời hạn 3 năm quy định tại điểm 3.2, mục VII, phần D, Thông tư số 133/2004/TT-BTC ngày 31/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước có hiệu lực thi hành tại Việt Nam (Thông tư số 133/2004/TT-BTC).

Theo nguyên tắc nêu trên, mặc dù các nghĩa vụ đăng ký thuế, kê khai thuế và nộp thuế liên quan đến nhà thầu nước ngoài chưa được thực hiện nhưng nhà thầu nước ngoài vẫn được quyền nộp hồ sơ đề nghị áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định giữa Việt Nam và các nước (hoặc vùng lãnh thổ) mà họ là đối tượng cư trú. Đề nghị áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định không được xem xét nếu thời điểm nộp hồ sơ đã quá thời hạn 3 năm quy định tại Thông tư số 133/2004/TT-BTC nêu trên.

Trường hợp trong thời hạn phải kê khai, nộp thuế nhà thầu và thuế TNCN nêu tại điểm 1 ở trên, nếu nhà thầu nước ngoài không nộp thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định thì bên Việt Nam ký kết hợp đồng hoặc bản thân nhà thầu nước ngoài là cá nhân có nghĩa vụ kê khai, khấu trừ và nộp thuế theo quy định hiện hành.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế biết và hướng dẫn các đơn vị thực hiện. Yêu cầu Cục Thuế thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và hướng dẫn tại công văn này. / *JH*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ PC – Bộ TC;
- Các Vụ: TNCN, KK, CS, DNL, TTr, PC (2b);
- Lưu: VT, HTQT (2b). ✕

**KT. TÔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TÔNG CỤC TRƯỞNG**



CỤC HỒNG HẢI